

**CÁC BỘ****LIÊN BỘ**

**BAN TỔ CHỨC - CÁN BỘ CHÍNH PHỦ - LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

**THÔNG TƯ liên Bộ số 223-TT/LB  
ngày 22-6-1996 hướng dẫn thực  
hiện chế độ nghỉ hưu do sắp  
xếp tổ chức và nhân sự.**

Thi hành Nghị định số 29-CP ngày 8-5-1996 của Chính phủ quy định về chế độ nghỉ hưu do sắp xếp tổ chức và nhân sự; liên Bộ Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ nghỉ hưu do sắp xếp tổ chức và nhân sự như sau:

**I. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG**

Những cán bộ dân cử, bầu cử của cơ quan Đảng, Mặt trận và các đoàn thể ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; thành phố thuộc tỉnh, quận, huyện, thị xã bao gồm những chức danh sau đây:

- a) Cán bộ dân cử gồm:
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhân dân;
  - Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân;
  - Thư ký Hội đồng Nhân dân;
  - Ủy viên chuyên trách Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- b) Cán bộ bầu cử của cơ quan Đảng, Mặt trận và các đoàn thể gồm:
- Cơ quan Đảng:
- Bí thư, Phó Bí thư;
  - Ủy viên thường vụ;
  - Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra;
  - Trưởng ban;
  - Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy khối cơ quan.
- Cơ quan Mặt trận và các đoàn thể:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Bí thư, Phó Bí thư các đoàn thể;
- Ủy viên thường vụ.

**II. ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ HƯU HÀNG THÁNG**

Những đối tượng quy định tại điểm I của Thông tư này do sắp xếp tổ chức và nhân sự trong năm 1996 mà có một trong các điều kiện sau đây được hưởng chế độ hưu tri hàng tháng theo quy định tại điểm a Khoản 1, Điều 27 Điều lệ Bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 12-CP ngày 26-1-1995 của Chính phủ:

1. Nam đủ 55 tuổi, nữ đủ 50 tuổi và có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên.
2. Nam đủ 50 tuổi, nữ đủ 45 tuổi và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên mà trong 20 năm đó có thời gian làm việc thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Thường xuyên làm việc đủ 15 năm trong các nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nếu đứt quãng thì được cộng dồn;

b) Thường xuyên làm việc đủ 15 năm ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên, nếu đứt quãng thì được cộng dồn;

c) Thời gian công tác đủ 10 năm ở miền Nam, ở Lào trước ngày 30-4-1975, ở Campuchia trước ngày 31-8-1989 (nếu công tác ở 2 hoặc 3 địa bàn này thì được cộng dồn để tính)

Người có đủ 2 hoặc 3 trường hợp nêu trong các điểm a, b, c, thì chỉ tính một trường hợp có lợi nhất để thực hiện giảm tuổi đời nghỉ hưu theo Khoản 2 Điều 1.

**III. QUYỀN LỢI ĐƯỢC HƯỞNG**

Người có đủ điều kiện quy định trên đây được hưởng lương hưu hàng tháng quy định tại điểm a, Khoản 1, Điều 27 Điều lệ Bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 12-CP ngày 26-1-1995 của Chính phủ:

Lương hưu hàng tháng tính theo số năm đóng bảo hiểm xã hội và mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội như sau:

Người lao động có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 15 năm tính bằng 45% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội, sau đó cứ thêm mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội tính thêm 2%. Mức lương hưu hàng tháng tối đa bằng 75% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội.

Ngoài lương hưu hàng tháng, đối với người nghỉ hưu theo Nghị định số 29-CP ngày 8-5-1996 của Chính phủ còn được hưởng quyền lợi như đối với người lao động hưởng chế độ hưu trí hàng tháng nói chung quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều 27 Điều lệ Bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 12-CP ngày 26-1-1995 của Chính phủ.

#### IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 8-5-1996 đến hết ngày 31-12-1996. Những cán bộ dân cử nhiệm kỳ 1989 - 1994 thôi giữ chức vụ dân cử, nay do nhu cầu sắp xếp tổ chức nhân sự cũng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc đề nghị phản ánh về liên Bộ để nghiên cứu giải quyết.

K.T. Bộ trưởng

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Thủ trưởng

LÊ DUY ĐỒNG

K.T. Bộ trưởng

Bộ Tài chính

Thủ trưởng

NGUYỄN SINH HÙNG

K.T. Bộ trưởng,

Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ

Phó Trưởng ban

TÒ TỬ HẠ

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

**THÔNG TƯ số 13-LĐ/TBXH/TT ngày 8-6-1996 hướng dẫn thực hiện chế độ trợ cấp khó khăn năm 1996.**

Thi hành Quyết định số 201-TTg ngày 9-4-1996 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ trợ cấp khó khăn năm 1996, sau khi thống nhất ý kiến với Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Bộ Tài chính, Ban Tổ chức Trung ương, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện như sau:

### I. TRỢ CẤP KHÓ KHĂN HÀNG QUÝ

#### 1. Đối tượng được trợ cấp:

- Công chức, viên chức hành chính, sự nghiệp; cán bộ, công nhân viên Đảng, đoàn thể hưởng lương từ ngân sách Nhà nước (bao gồm cả người hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế hưởng lương và các chế độ như công chức, viên chức);

- Người hưởng lương từ ngân sách Nhà nước trong lực lượng vũ trang;

- Người đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp mất sức lao động.

#### 2. Điều kiện hưởng trợ cấp:

Các đối tượng nêu tại điểm 1 nói trên nếu mức thu nhập bình quân đầu người trong gia đình thấp hơn 120.000 đ/tháng hoặc mức lương, thu nhập tuy không thấp nhưng đời sống quá khó khăn do đông người ăn theo, con còn đi học thì được xét trợ cấp.

Mức thu nhập bình quân trong gia đình được tính như sau:

$$\text{Mức thu nhập bình quân đầu người} = \frac{\text{Tổng tiền lương, trợ cấp và các khoản thu nhập thường xuyên khác (nếu có) của từng người trong gia đình}}{\text{Tổng số người trong gia đình}}$$

Tổng số người trong gia đình gồm người hưởng lương, trợ cấp và số người phải trực tiếp nuôi dưỡng sống bằng tổng nguồn thu nhập trong gia đình.

#### 3. Mức hưởng và cách xét trợ cấp:

a) Đối tượng quy định tại điểm 1, mục I nói trên nếu được trợ cấp khó khăn hàng quý thì mức trợ cấp là 100.000 đ/quý.

b) Cách xét trợ cấp: